

Số: 12
Ngày 01/4/2019

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin hàng tuần
ra ngày thứ Hai

VĂN BẢN MỚI

- Quy định về tổ cáo và giải quyết tổ cáo trong Quân đội nhân dân*
- Quy định chi tiết về việc cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động*
- Thủ tướng chỉ thị đẩy nhanh giải phóng mặt bằng đường bộ cao tốc Bắc - Nam*
- Luật sư bắt buộc tham gia khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ*
- Ủy ban Dân tộc phê duyệt dự toán kinh phí viện trợ hơn 4.5 tỷ đồng cho Dự án EMPS năm 2019*
- Quy chuẩn giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc*

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

Dự thảo Nghị quyết ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

- Quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin là gì?*
- Công dân được tiếp cận thông tin bằng cách thức nào?*
- Những hành vi nào bị nghiêm cấm khi tiếp cận thông tin?*
- Nếu vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm khi tiếp cận thông tin sẽ bị xử lý như thế nào?*

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI, CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

1. QUY ĐỊNH VỀ TỔ CÁO VÀ GIẢI QUYẾT TỔ CÁO TRONG QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Ngày 20/3/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 28/2019/NĐ-CP quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Quân đội nhân dân.

Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 05/5/2019 nêu rõ nguyên tắc xác định thẩm quyền giải quyết tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ của quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền quản lý quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng giải quyết. Tố cáo hành vi vi phạm pháp luật trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ của người chỉ huy cơ quan, đơn vị do người đứng đầu về hành chính quân sự của cơ quan, đơn vị cấp trên trực tiếp giải quyết. Đối với quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng của cơ quan, đơn vị đã hợp nhất, sáp nhập, chia, tách do người đứng đầu cơ quan, đơn vị sau hợp nhất, sáp nhập, chia, tách mà người bị tố cáo đang công tác chủ trì giải quyết; người đứng đầu cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp giải quyết. Tố cáo cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ do người đứng đầu cơ quan, đơn vị cấp trên một cấp của cơ quan, đơn vị đó giải quyết...

Trình tự giải quyết tố cáo bao gồm: tiếp nhận, xử lý đơn tố cáo; trường hợp người bị tố cáo đang thực hiện nhiệm vụ chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc trong tình trạng khẩn cấp người có thẩm quyền giải

quyết tố cáo thông báo rõ lý do việc chưa thụ lý tố cáo và sau khi người bị tố cáo thực hiện xong nhiệm vụ, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo phải thông báo thụ lý tố cáo bằng văn bản cho người tố cáo; trình tự, thủ tục giải quyết tố cáo trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ được thực hiện theo Luật Tố cáo năm 2018 và Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; trong quá trình xác minh nội dung tố cáo, người giải quyết tố cáo có quyền yêu cầu hoặc kiến nghị người có thẩm quyền yêu cầu cơ quan, đơn vị, tổ chức trong và ngoài Quân đội nhân dân phối hợp xác minh nội dung tố cáo; trách nhiệm của người giải quyết tố cáo, người bị tố cáo và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong tổ chức thực hiện kết luận nội dung tố cáo thực hiện theo quy định.

Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin, vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ thuộc quyền quản lý và những nội dung bảo vệ khác nếu thuộc thẩm quyền của mình; trường hợp không thuộc thẩm quyền thì yêu cầu hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp bảo vệ. Cơ quan tiếp nhận, xác minh nội dung tố cáo có trách nhiệm bảo vệ bí mật thông tin của người tố cáo. Cơ quan Bảo vệ an ninh các cấp trong Quân đội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan công an, chính quyền địa phương, các tổ chức có liên quan thực hiện việc bảo vệ tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự,

nhân phẩm của người được bảo vệ. Cơ quan, đơn vị quản lý quân nhân, công nhân và viên chức quốc phòng trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, chủ trì, phối hợp với cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc bảo vệ vị trí công tác, việc làm của người được bảo vệ.

2. QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ VIỆC CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG CHO THUÊ LẠI LAO ĐỘNG

Ngày 20/3/2019, Chính phủ ban hành Nghị định số 29/2019/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Khoản 3 Điều 54 Bộ luật lao động về việc cấp phép hoạt động cho thuê lại lao động, việc ký quỹ và danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động. Nghị định sẽ có hiệu lực từ ngày 05/5/2019.

Các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động cho thuê lại lao động (doanh nghiệp cho thuê) để đáp ứng tạm thời sự gia tăng đột ngột về nhu cầu sử dụng lao động trong khoảng thời gian nhất định, nhu cầu sử dụng lao động trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hoặc thay thế người lao động trong thời gian nghỉ thai sản, bị tai nạn lao động... Doanh nghiệp cho thuê được thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và được cấp giấy phép hoạt động cho thuê lại lao động, có tuyển dụng và ký hợp đồng lao động nhưng không trực tiếp sử dụng mà cho người sử dụng lao động khác thuê lại.

Nghị định quy định rõ điều kiện cấp giấy phép phải là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện hoạt động cho thuê lại lao động là người quản lý doanh nghiệp

không có án tích đã làm việc trong lĩnh vực từ đủ 03 năm trở lên trong thời hạn 05 năm liền kể trước khi đề nghị cấp giấy phép; doanh nghiệp đã thực hiện ký quỹ 2.000.000.000 đồng (hai tỷ Việt Nam đồng) tại ngân hàng hoặc chi nhánh ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam. Giấy phép được gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn tối đa là 60 tháng và thời hạn giấy phép được cấp lại bằng thời hạn còn lại của giải phép đã được cấp trước đó.

Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm: văn bản đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp cho thuê theo mẫu; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; bản lý lịch tự thuật của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; phiếu lý lịch tư pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; văn bản chứng minh thời gian đã làm việc của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp và Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh cho thuê lại lao động theo mẫu. Hồ sơ được gửi đến Sở Lao động Thương binh và Xã hội, trong thời hạn 20 ngày nếu hồ sơ đảm bảo theo quy định sẽ trình Chủ tịch UBND cấp tỉnh. Kể từ ngày nhận được hồ sơ trình trong thời hạn 07 ngày thì Chủ tịch UBND cấp tỉnh sẽ xem xét và cấp giấy phép đối với doanh nghiệp.

Doanh nghiệp sẽ bị thu hồi giấy phép trong các trường hợp sau: chấm dứt hoạt động cho thuê lại lao động; doanh nghiệp giải thể; không bảo đảm các điều kiện của Nghị định này; cho thuê lại lao động để thực hiện công việc không theo danh mục công việc được thực hiện cho thuê lại lao động; bị xử phạt hành chính

từ 03 lần trong thời gian tối đa là 36 tháng; có hành vi giả mạo văn bản; các trường hợp khác theo yêu cầu của tòa án.

3. THỦ TƯỚNG CHỈ THỊ ĐẨY NHANH GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG ĐƯỜNG BỘ CAO TỐC BẮC - NAM

Ngày 21/03/2019, Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 07/CT-TTg về việc thực hiện công tác giải phóng mặt bằng (GPMB) dự án đầu tư xây dựng một số đoạn đường bộ cao tốc trên tuyến Bắc - Nam phía Đông giai đoạn 2017-2020.

Chỉ thị nêu rõ, để đáp ứng tiến độ Dự án hoàn thành vào năm 2021 theo yêu cầu của Quốc hội, cần tập trung hoàn thiện thiết kế kỹ thuật, đẩy nhanh tiến độ GPMB và công tác lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư. Công tác GPMB là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, quyết định đến tiến độ dự án. Vì vậy, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, ngành, địa phương tập trung tối đa để triển khai các nhiệm vụ về công tác GPMB.

Thủ tướng giao cho Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm kiểm tra và chỉ đạo Chủ đầu tư, Ban Quản lý dự án và các cơ quan chức năng cung cấp đủ, kịp thời các tài liệu cần thiết và tiến độ thực hiện dự án cũng như kế hoạch phân bổ vốn cho công tác GPMB; tổ chức triển khai ngay công tác cắm mốc GPMB, mốc lộ giới theo hồ sơ thiết kế cắm cọc GPMB được phê duyệt (cuối Quý I, đầu Quý II/2019). Bộ Giao thông

vận tải phối hợp với các địa phương trong việc đảm bảo tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt và công khai phương án chi tiết GPMB theo quy định; thực hiện tốt chế độ phối hợp và cung cấp thông tin với chính quyền và các cơ quan có liên quan của địa phương, đảm bảo minh bạch các thông tin về dự án đầu tư, tư vấn, nhà thầu xây dựng; đặc biệt, cần thông tin về tiến độ thực hiện dự án thành phần GPMB theo định kỳ hàng tháng, quý để theo dõi, giám sát trong quá trình thực hiện. Các Bộ, ngành trung ương khẩn trương thông nhất phương án giao vốn để các địa phương thực hiện công tác đền bù, GPMB, báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định.

Bộ Thông tin và Truyền thông, Bộ Công Thương, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp phối hợp với các địa phương di dời các công trình truyền thông, công trình điện đáp ứng tiến độ GPMB và kịp thời xử lý các vấn đề khác có liên quan.

Thủ tướng yêu cầu UBND các tỉnh nơi có dự án đi qua huy động toàn bộ hệ thống chính trị của địa phương vào cuộc, bàn giao mặt bằng để phục vụ thi công trong thời gian sớm nhất, bảo đảm đúng quy định pháp luật. Đồng thời, hỗ trợ cung cấp các nguồn vật liệu phục vụ thi công dự án; đảm bảo an toàn, an ninh, không để xảy ra các điểm nóng trong quá trình thi công.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

4. LUẬT SƯ BẮT BUỘC THAM GIA KHÓA BỒI DƯỠNG CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

Ngày 15/3/2019, Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 02/2019/TT-BTP quy định nghĩa vụ tham gia bồi

dưỡng bắt buộc về chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư.

Tùy thuộc vào yêu cầu bồi dưỡng bắt buộc hàng năm, nội dung bồi dưỡng gồm những nội dung sau đây: đạo đức, ứng xử nghề nghiệp; cập nhật, bổ sung kiến thức pháp luật; kỹ năng hành nghề và kỹ năng hỗ trợ cho hoạt động hành nghề luật sư; kỹ năng quản trị tổ chức hành nghề luật sư. Việc bồi dưỡng được tổ chức dưới hình thức khóa bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ của luật sư hoặc trao đổi kinh nghiệm hành nghề luật sư. Thời gian tham gia bồi dưỡng tối thiểu là 08 giờ/năm. Những trường hợp được miễn nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng trong năm là: người đang làm nhiệm vụ đại biểu Quốc hội, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; nữ luật sư có con dưới 12 tháng tuổi; bị bệnh tật có đơn đề nghị và được Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư xác nhận; luật sư từ đủ 70 tuổi trở lên và có trên 20 năm hành nghề hoặc luật sư phải điều trị dài ngày tại cơ sở khám chữa bệnh và thuộc danh mục bệnh chữa trị dài ngày theo quy định. Những trường hợp nêu trên có trách nhiệm nộp giấy tờ chứng minh của luật sư thuộc đối tượng được miễn cho Đoàn luật sư mà mình là thành viên. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy chứng minh của luật sư thuộc đối tượng được miễn nghĩa vụ bồi dưỡng, Ban chủ nhiệm Đoàn luật sư xem xét, quyết định việc miễn thực hiện nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng cho luật sư.

Luật sư có hành vi vi phạm nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm phải

chịu một trong các hình thức kỷ luật sau: khiển trách; cảnh cáo; tạm đình chỉ tư cách thành viên Đoàn luật sư từ 06 tháng đến 24 tháng. Ngoài việc chấp hành hình thức kỷ luật, luật sư có trách nhiệm thực hiện bù nghĩa vụ tham gia bồi dưỡng của năm đó vào năm kế tiếp. Luật sư có quyền khiếu nại quyết định kỷ luật về việc vi phạm nghĩa vụ.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 05/5/2019.

5. ỦY BAN DÂN TỘC PHÊ DUYỆT DỰ TOÁN KINH PHÍ VIỆN TRỢ HƠN 4.5 TỶ ĐỒNG CHO DỰ ÁN EMPS NĂM 2019

Ngày 20/3/2019, Ủy ban Dân tộc ban hành quyết định số 131/QĐ-UBDT phê duyệt Kế hoạch hoạt động và Dự toán chi tiết nguồn kinh phí viện trợ không hoàn lại năm 2019 của Dự án “Nâng cao hiệu quả các chương trình, chính sách phát triển và sáng kiến giảm nghèo đối với vùng dân tộc thiểu số” (EMPS).

Tổng dự toán nguồn kinh phí viện trợ không hoàn lại năm 2019 của Dự án EMPS do Chính phủ Ireland tài trợ là 171.017 Euro tương đương khoảng hơn 4.5 tỷ đồng. Trong đó: kinh phí viện trợ năm 2018 chuyển sang thực hiện năm 2019 là hơn 550.000.000 đồng; lãi ngân hàng năm 2018 chuyển sang sử dụng năm 2019 là hơn 9.000.000 đồng; kinh phí viện trợ năm 2019 là khoảng gần 4.000.000.000 đồng.

Các hoạt động do Đại sứ quán Ireland (Irish Aid) tài trợ năm 2019 nói riêng và giai đoạn năm 2018 - 2021 nói chung nhằm hỗ trợ thúc đẩy tăng cường hiệu quả thực hiện các chương trình, chính sách phát

triển và giảm nghèo đói với dân tộc thiểu số tại Việt Nam, hỗ trợ kỹ thuật để Ủy ban Dân tộc xây dựng và thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc thiểu số một cách hiệu quả, trên cơ sở tham vấn cộng đồng, các địa phương, tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc, hợp tác với các đối tác liên quan trong từng bước xây dựng và thực hiện để đạt kết quả chất lượng cao như mục tiêu đề ra.

6. QUY CHUẨN GIỚI HẠN TIẾP XÚC CHO PHÉP ĐỐI VỚI 05 YẾU TỐ BỤI TẠI NƠI LÀM VIỆC

Ngày 21/3/2019, Bộ Y tế ban hành Thông tư số 02/2019/TT-BYT về Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc.

Quy chuẩn này quy định giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc là: bụi amiăng, bụi silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than. Giới hạn tiếp xúc ca làm việc (TWA – Time Weighted Average) là giá trị nồng độ của một chất trong không khí môi trường lao động, tính trung bình theo thời lượng 8 giờ, mà không được phép để người lao động tiếp xúc vượt quá ngưỡng này trong ca làm việc 8 giờ/ca, 40 giờ/tuần:

- TWA của bụi amiăng: chất Serpentine là 0.1 sợi/mL, chất Amphibole là 0 sợi/mL.

- TWA của bụi Silic: nồng độ Silic tự do trong bụi toàn phần là 0.3 mg/m³, nồng độ Silic tự do trong bụi hô hấp là 0.1 mg/m³.

- TWA của bụi không chứa Silic:

+ Chất Talc, nhôm, bentonit, cao lanh, than hoạt tính...: bụi toàn phần là 2.0 mg/m³, bụi hô hấp là 1.0 mg/m³.

+ Chất Bakelit, oxit sắt, oxit kẽm, đá vôi, đá trân châu, đá cẩm thạch, xi măng portland...: bụi toàn phần là 4.0 mg/m³, bụi hô hấp là 2.0 mg/m³.

+ Bụi nguồn gốc từ thảo mộc, động vật, chè, thuốc lá, ngũ cốc, gỗ: bụi toàn phần là 6.0 mg/m³, bụi hô hấp là 3.0 mg/m³.

+ Bụi hữu cơ và vô cơ không có quy định khác: bụi toàn phần là 8.0 mg/m³, bụi hô hấp là 4.0 mg/m³.

- TWA của bụi bông là 1.0 mg/m³.

- TWA của bụi than: bụi than toàn phần là 3.0 mg/m³, bụi than hô hấp là 2.0 mg/m³. Khi hàm lượng Silic tự do trong bụi than lớn hơn 5% thì TWA được quy định theo bụi Silic.

Các cơ sở có người lao động tiếp xúc với bụi phải định kỳ quan trắc môi trường lao động, đánh giá yếu tố bụi tối thiểu 1 lần/năm. Người lao động phải được cung cấp đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động cho người lao động phù hợp với môi trường làm việc theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động. Trường hợp nồng độ bụi tại nơi làm việc vượt giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của quy chuẩn này, người sử dụng lao động phải thực hiện ngay các giải pháp cải thiện điều kiện lao động và bảo vệ sức khỏe người lao động theo quy định của pháp luật về an toàn, vệ sinh lao động.

Các phương pháp xác định nồng độ bụi có tất cả 6 kỹ thuật sau

đây: kỹ thuật xác định nồng độ bụi toàn phần bằng phương pháp trọng lượng (cân giấy lọc); kỹ thuật xác định nồng độ bụi hô hấp bằng phương pháp trọng lượng (cân giấy lọc); kỹ thuật xác định nồng độ bụi toàn phần và bụi hô hấp bằng thiết bị đo bụi điện tử; kỹ thuật định lượng

Silic tự do (SiO₂) trong bụi bằng phương pháp so màu (POLEJAEV); kỹ thuật định lượng Silic tự do (SiO₂) trong bụi bằng phương pháp quang phổ hồng ngoại; kỹ thuật xác định nồng độ bụi bông.

Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 22/9/2019.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT BAN HÀNH KẾ HOẠCH TỔNG THỂ VÀ KẾ HOẠCH 05 NĂM CỦA CHÍNH PHỦ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 36-NQ/TW NGÀY 22/10/2018 VỀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG KINH TẾ BIỂN VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Bộ Tài nguyên và Môi trường đang tổ chức lấy ý kiến vào dự thảo Nghị quyết ban hành Kế hoạch tổng thể và kế hoạch 5 năm của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết nêu rõ yêu cầu đặt ra là thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trong một số ngành kinh tế biển, tạo lập được thương hiệu mới của Việt Nam; tạo được sự bứt phá về phát triển bền vững kinh tế biển của vùng biển, ven biển và một số ngành kinh tế biển; bảo đảm tính khả thi, hiệu quả về huy động và sử dụng nguồn lực, phù hợp với bối cảnh của quốc tế và trong nước.

Nội dung của Kế hoạch đề cập tới 06 điểm chính về: quản trị biển và địa dưong, quản lý vùng bờ; phát triển kinh tế biển, ven biển; về xã

hội; khoa học công nghệ, phát triển nguồn nhân lực biển; môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu, nước biển dâng; đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế.

Trong đó, nổi bật là về vấn đề phát triển kinh tế biển, ven biển được chia thành 08 mảng khai thác. Đối với du lịch và dịch vụ biển, kế hoạch đến năm 2030 trở thành ngành kinh tế mũi nhọn. Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật ngành du lịch cho các địa bàn trọng điểm, khu vực động lực phát triển du lịch ven biển và hải đảo. Thí điểm phát triển các tuyến du lịch ra các đảo, vùng biển xa bờ kết hợp với các biện pháp tìm kiếm cứu hộ, cứu nạn. Xúc tiến quảng bá du lịch, đa dạng hóa các sản phẩm, chuỗi sản phẩm, thương hiệu du lịch biển đẳng cấp quốc tế trên cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, phát huy giá trị di sản. Xây dựng cơ chế, chính sách thuận lợi để người dân ven biển trực tiếp tham gia kinh doanh và hưởng lợi từ hoạt động du lịch.

Về mặt kinh tế hàng hải đến năm 2030 sẽ phát triển hệ thống cảng biển theo một quy hoạch tổng thể và thống nhất cùng với phát triển đội tàu vận tải biển theo hướng hiện

đại với chất lượng ngày càng cao mà chi phí hợp lý, an toàn, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và tiết kiệm năng lượng. Bên cạnh đó, khai thác dầu khí các tài nguyên, khoáng sản biển khác sẽ được nâng cao hiệu quả khai thác. Đến năm 2030, việc nuôi trồng và khai thác thủy sản sẽ hướng theo sản xuất hàng hóa, hiện đại, ứng dụng công nghệ cao. Còn ngành công nghiệp ven biển sẽ được ưu tiên phát triển theo hướng thân thiện với môi trường, phát triển hợp lý các ngành sửa chữa và đóng tàu, lọc hóa dầu, năng lượng, cơ khí chế tạo, công nghiệp chế biến, công nghiệp phụ trợ. Về mặt năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới đến năm 2030 được thúc đẩy đầu tư xây dựng, khai thác điện gió, điện mặt trời và các dạng năng lượng tái tạo khác. Quan tâm phát triển một

số ngành kinh tế dựa vào khai thác tài nguyên đa dạng sinh học biển như được liệu biển, nuôi trồng và chế biến rong, tảo, cỏ biển... Hỗ trợ đầu tư cho các chương trình điều tra, nghiên cứu, chế tạo thử, xây dựng các điểm điển hình sử dụng năng lượng mới và tái tạo. Cho phép các cá nhân tổ chức kinh tế trong và ngoài nước phối hợp đầu tư khai thác nguồn năng lượng mới và tái tạo trên cơ sở đôi bên cùng có lợi. Cùng với đó, tập trung phát triển nuôi trồng hải sản theo hướng công nghiệp, ứng dụng công nghệ cao tại vùng biển và ven biển Bắc Trung Bộ, Duyên hải Trung Bộ và vùng biển và ven biển Tây Nam Bộ. Cuối cùng là phát triển hạ tầng biển và ven biển Việt Nam.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong tiếp cận thông tin là gì?

Trả lời: Theo Điều 8 Luật số 104/2019/QH13 Quốc hội ban hành ngày 06/4/2016 về tiếp cận thông tin có quy định quyền và nghĩa vụ của công dân trong việc tiếp cận thông tin như sau: Công dân có quyền được cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời và khiếu nại, khởi kiện, tố cáo hành vi vi phạm pháp luật về tiếp cận thông tin. Công dân có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin; không làm sai lệch nội dung thông tin đã được cung cấp; không xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác khi thực hiện quyền tiếp cận thông tin.

2. Hỏi: Công dân được tiếp cận thông tin bằng cách thức nào?

Trả lời: Theo Điều 10 Luật số 104/2019/QH13 Quốc hội ban hành ngày 06/4/2016 về tiếp cận thông tin có quy định công dân được tiếp cận thông tin bằng các cách thức sau: tự do tiếp cận thông tin được cơ quan nhà nước công khai và yêu cầu cơ quan nhà nước cung cấp thông tin.

3. Hỏi: Những hành vi nào bị nghiêm cấm khi tiếp cận thông tin?

Trả lời: Theo Điều 11 Luật số 104/2019/QH13 Quốc hội ban hành ngày 06/4/2016 về tiếp cận thông tin có quy định những hành vi bị nghiêm cấm khi tiếp cận thông tin là:

- Cố ý cung cấp thông tin sai lệch, không đầy đủ, trì hoãn việc

cung cấp thông tin; hủy hoại thông tin; làm giả thông tin.

- Cung cấp hoặc sử dụng thông tin để chống lại Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, phá hoại chính sách đoàn kết, kích động bạo lực.

- Cung cấp hoặc sử dụng thông tin nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm, uy tín, gây kỳ thị về giới, gây thiệt hại về tài sản của cá nhân, cơ quan, tổ chức.

- Cản trở, đe dọa, trù dập người yêu cầu, người cung cấp thông tin.

4. Hỏi: *Nếu vi phạm những hành vi bị nghiêm cấm khi tiếp cận thông tin sẽ bị xử lý như thế nào?*

Trả lời: Theo Điều 15 Luật số 104/2019/QH13 Quốc hội ban hành ngày 06/4/2016 về tiếp cận thông tin có quy định những hành vi bị nghiêm cấm khi tiếp cận thông tin sẽ bị xử lý như sau:

- Người nào có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về tiếp cận thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

- Người cung cấp thông tin có một trong các hành vi quy định tại Điều 11 của Luật này mà gây thiệt hại thì cơ quan nhà nước cung cấp thông tin phải bồi thường thiệt hại, cá nhân có hành vi vi phạm có trách nhiệm hoàn trả theo quy định của pháp luật về trách nhiệm bồi thường của Nhà nước.

- Người thực hiện quyền tiếp cận thông tin sử dụng thông tin được cung cấp gây ảnh hưởng xấu đến quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức hoặc của người khác thì phải chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.